

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Vĩnh; Ông Lò Văn Chiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tẩn Chấn H, sinh năm: 1986, địa chỉ: Bản H, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phàn Tả M, sinh năm: 1988, địa chỉ: Bản H, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt không có lý do.

Những người làm chứng:

Bà Chèo Lụ M, sinh năm 1966, địa chỉ: Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Anh Phàn Phụ H, sinh năm 1983, địa chỉ: Bản N, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Tẩn Chấn H trình bày:

Anh Tẩn Chấn H và chị Phàn Tả M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe,

huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng anh H, chị M chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016, chị M đã tự ý bỏ nhà đi mà không nói cho ai biết chị đi đâu, làm gì. Anh H đã tìm mọi cách để liên lạc với chị M, mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị M không muốn quay về đoàn tụ gia đình và không nói cho anh H biết chị đang ở đâu. Thỉnh thoảng, chị M vẫn gọi điện về hỏi thăm con. Hiện nay, chị M không có thai, không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Anh H không còn tình cảm với chị M nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M. Về con chung: Anh H và chị M có 03 con chung là cháu Tẩn Láo Tả, sinh ngày 01/12/2006, cháu Tẩn Tả M, sinh ngày 01/01/2009, cháu Tẩn Chung Ly, sinh ngày 24/10/2013. Từ khi chị M bỏ nhà đi thì các cháu ở cùng với anh H, được anh H nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh H mong muốn được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của các cháu Tẩn Láo T, Tẩn Tả M, 1 Tẩn Chung L: Hiện nay, các cháu đang ở với bố, được bố yêu thương, quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Lời khai của những người làm chứng là bà Chèo Lụ M, anh Phàn Phụ H: Chị M hiện nay đã không còn ở địa phương, chị M không nói cho ai biết chị đang ở đâu, làm gì. Chị M vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm gia đình bên ngoại và các con. Chị M đã biết việc anh H xin ly hôn, chị M nhất trí ly hôn với anh H, nhất trí để anh H nuôi con sau ly hôn. Chị Phàn Tả M hiện không có thai, không nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Kết quả xác minh của Tòa án, xác định: Anh H, chị M hiện đang có đăng ký H khẩu thường trú tại bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, do chị M bỏ nhà đi, không sinh sống tại địa phương, chị M không khai báo tạm vắng, không cung cấp thông tin về nơi ở của bản thân nên không ai biết chị M đang ở đâu. Từ khi bỏ nhà đi, chị M vẫn thường xuyên liên lạc, gọi điện về bên nhà mẹ đẻ để hỏi thăm các con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo

giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tẩn Chấn H, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Tẩn Chấn H được ly hôn với chị Phàn Tả M. Về con chung: Giao các cháu Tẩn Láo Tả, Tẩn Tả M, Tẩn Chung Ly cho anh Tẩn Chấn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là anh Tẩn Chấn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh H và bị đơn là chị Phàn Tả M. Tại thời điểm anh H gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh H không xác định được nơi ở của bị đơn ở đâu do bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Anh H chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án được xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tẩn Chấn H và chị Phàn Tả M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh H, chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Từ năm 2016, chị M đã bỏ nhà đi, không nói cho ai biết chị

M đi đâu, làm gì. Anh H và gia đình đã tìm mọi cách để liên lạc, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị M không trở về đoàn tụ với anh H. Hiện nay, anh H và các con đang sống tại bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe. Chị M không quan tâm, hỏi thăm anh H, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, anh H không còn tình cảm với chị M nữa và muốn được ly hôn với chị M. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, chị M vắng mặt không có lý do. Giữa chị M và anh H không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại thời điểm hiện nay, chị M không có thai, không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị M theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi vợ chồng anh H, chị M sống ly thân, các cháu Tẩn Láo T, Tẩn Tả M1, Tẩn Chung L sống cùng với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, các cháu trình bày có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, anh H đang có khả năng lao động, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con và có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con. Chị M cũng nhất trí để anh H nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu Tẩn Láo Tả, Tẩn Tả M, Tẩn Chung Ly cho anh H là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh H là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh H và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tẩn Chửn H được ly hôn với chị Phàn Tả M.

- Về con chung: Giao cháu Tẩn Láo T, sinh ngày 01/12/2006, cháu Tẩn Tả M1, sinh ngày 01/01/2009, cháu Tẩn Chung L, sinh ngày 24/10/2013, cho anh Tẩn Chửn H là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh H là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Tẩn Chửn H không yêu cầu chị Phàn Tả M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh Tẩn Chửn H và chị Phàn Tả M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tẩn Chửn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh